

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

Bản án số:40/2025/DS-ST
Ngày 19/9/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiểm
Ông Giáp Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2025 (số thụ lý 89/2025/TLST-DS ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cũ) về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2025/QĐST-DS ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T3 và phát triển (viết tắt là P).

Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà T, ô đất P – D - khu đô thị C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Thúy N – Chủ tịch hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Đ – Phó Giám đốc Quản lý khách hàng cá nhân (vắng mặt), ông Đinh Thanh B – Cán bộ xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ: Số A, N, phường K, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn:

- Chị Mai Thị H, sinh năm 1983 (có mặt)

- Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi thường trú: tổ dân phố T, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện anh Nguyễn Quang T đang chấp hành án tại Đội 2- P, Trại giam N1 – Cục C – Bộ C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, ông Đinh Thanh B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 20/09/2023 chị Mai Thị H và anh Nguyễn Quang T vay vốn tại P theo Hợp đồng tín dụng số 124/2023/HĐTD/TH-TN/PGB-BN ngày 20/9/2023; Phụ lục số 124/2023/HĐTD/TH-TN/PGB-BN/PL01 ngày 20/9/2023 với số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*), lãi suất vay: 8,8%/năm tại thời điểm giải ngân áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời gian ưu đãi lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở theo quy định của P trong từng thời kỳ (+) Biên độ 3,8%/năm/ lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần kể từ ngày điều chỉnh lãi suất gần nhất; Mục đích vay: Vay mua 01 xe ô tô mang nhãn hiệu Hyundai Santafe xăng cao cấp mới 100%, màu đen theo Hợp đồng mua bán số 17T9/HĐMB-HDBG/2023 đã ký giữa chị Mai Thị H với bên bán là Công ty trách nhiệm hữu hạn T4, thời hạn vay: 96 tháng (kể từ ngày rút vốn đầu tiên); lịch trả nợ: trả nợ gốc: Định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, trả nợ lãi: Định kỳ vào ngày 15 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên của khách hàng tại P là: Xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Santafe, biển kiểm soát: 98A-673-10, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 98000104 do Phòng C2 Công an huyện T cấp ngày 22/9/2023, đứng tên chị Mai Thị H, P nhận thế chấp tài sản này theo: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 77/2023/HĐTC/PGB-BN, ký ngày 20/9/2023.

Kể từ ngày giải ngân đến tháng 08/2024 chị Mai Thị H và anh Nguyễn Quang T đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho P. Quá trình thực hiện, chị H, anh T đã trả cho Ngân hàng P số tiền gốc là 114.741.415 đồng và 77.558.290 đồng tiền lãi. Từ tháng 09/2024 khách hàng bắt đầu phát sinh quá hạn và chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với P. Tính đến ngày 18/03/2025, khoản vay của chị Mai Thị H và anh Nguyễn Quang T còn nợ P là: 946,636,488 đồng, trong đó 885.258.585 đồng, tiền lãi là: 77.769.675 đồng. Từ khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ với P, P đã gửi thông báo nợ quá hạn và làm việc nhiều lần với khách hàng để yêu cầu trả nợ và thỏa thuận xử lý tài sản bảo đảm, nhưng khách hàng không trả nợ.

Đến nay Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu chị Mai Thị H và anh Nguyễn Quang T phải thanh Toán cho Ngân hàng P số tiền là gốc 885.258.585 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/9/2025 và số lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng P không yêu cầu chị H, anh T phải trả số tiền lãi chậm trả 1.827.729 đồng.

* Tại Biên bản ghi lời khai bị đơn chị Mai Thị H trình bày:

Vợ chồng chị có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần T3 và phát triển với số tiền gốc là 1 tỷ đồng. Thời hạn vay là 96 tháng, mục đích vay để mua xe ô tô. Chị đã trả gốc theo các kỳ trả nợ như thỏa thuận với Ngân hàng được một thời gian từ tháng 9/2023 đến khoảng tháng 4/2024 thì chị không trả được cho ngân hàng nữa.

Khoảng tháng 12/2023 thì giữa chị và cán bộ Ngân hàng phụ trách hồ sơ vay của vợ chồng chị và anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990; Địa chỉ: phường H, thành phố B cũ có thỏa thuận anh T1 lấy xe thế chấp khoản vay của vợ chồng

chị và đã được cán bộ Ngân hàng đồng ý. Trách nhiệm của anh T1 là trả tiền gốc và lãi cho khoản vay mua chiếc xe này. Anh T1 có chuyển tiền cho chị để trả gốc và lãi được 2 tháng. Khi thỏa thuận việc mua bán xe như vậy thì chị cũng nói rõ với cán bộ Ngân hàng là đã bán xe thì vợ chồng chị không phải chịu trách nhiệm về khoản vay này nữa. Cán bộ Ngân hàng biết có việc này và còn cấp giấy đi đường cho người mua xe của chị. Chị yêu cầu ngân hàng làm thủ tục chuyển xe sang người mua nhưng cán bộ Ngân hàng bảo người mua xe là anh T1 xin 3 tháng để gom tiền trả vào Ngân hàng lấy xe rồi làm thủ tục. Sau đó chị không thấy việc chuyển nhượng, không thấy anh T1 trả xe. Việc này chị có báo Ngân hàng và Ngân hàng đã làm đơn tố giác cho chị sang bên công an thành phố B và công an phường H. Nay Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị phải trả tiền gốc và tiền lãi thì chị không nhất trí vì Ngân hàng đã đồng ý giao tài sản thế chấp cho người khác nay lại không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là không đúng, không đảm bảo quyền lợi của chị.

Tại phiên tòa chị H xác định còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần T3 và phát triển số tiền gốc là 885.258.585 đồng và tiền lãi. Chị đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T3 và phát triển trả tiền gốc là 885.258.585 đồng và tiền lãi tính đến ngày 19/9/2025 theo hợp đồng tín dụng đã ký.

* Tại Biên bản ghi lời khai của bị đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:

Vợ chồng anh có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần T3 phát triển chi nhánh tỉnh B với số tiền ban đầu bao nhiêu thì anh không nhớ, mục đích vay là để mua ô tô. Số tiền giải ngân cho ai anh không nhớ. Hiện nay, khoản nợ này đã trả được bao nhiêu do ai trả anh không biết. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả tiền gốc và tiền lãi thì quan điểm của anh là do anh đang cải tạo tại trạm giam Ngọc L – Bộ C1 nên không có khả năng để trả cho Ngân hàng. Anh đề nghị Ngân hàng giãn khoản nợ đến khi anh cải tạo xong ra ngoài thu xếp tiền để trả.

Nay Ngân hàng chỉ yêu cầu vợ chồng trả gốc và lãi, không yêu cầu xử lý chiếc xe ô tô thế chấp thì anh không có ý kiến gì về tài sản thế chấp. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa anh T vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T3 và phát triển, buộc chị Mai Thị H và anh Nguyễn Quang T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T3 và phát triển số tiền gốc là 885.258.585 đồng và tiền lãi tính đến ngày 19/9/2025 là 118.972.972 đồng.

Về án phí: chị Mai Thị H và anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần T3 khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay với mục đích là để mua xe ô tô đối với anh T, chị H có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Bắc Ninh (tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang cũ). Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh (Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cũ) đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, ông Đ đại diện của Ngân hàng P vắng mặt nhưng có ông B đại diện của Ngân hàng P có mặt, anh T vắng mặt nhưng anh T đã có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời khai của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, lời khai của anh T, chị H và nội dung hợp đồng tín dụng số: 124/2023/HĐTD/TH-TN/PGB-BN ngày 20/9/2023; Phụ lục số 124/2023/HĐTD/TH-TN/PGB-BN/PL01 ngày 20/9/2023 giữa anh Nguyễn Quang T, chị Mai Thị H và Ngân hàng P thể hiện anh T, chị H vay của Ngân hàng thương mại cổ phần T3 phát triển số gốc ban đầu là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay là 96 tháng, trả nợ định kỳ hàng tháng vào ngày 15, lãi suất vay: 8,8%/năm tại thời điểm giải ngân áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời gian ưu đãi lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở theo quy định của P trong từng thời kỳ (+) Biên độ 3,8%/năm/ lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần kể từ ngày điều chỉnh lãi suất gần nhất; Mục đích vay: Vay mua 01 xe ô tô mang nhãn hiệu Hyundai Santafe. Hợp đồng tín dụng số: 124/2023/HĐTD/TH-TN/PGB-BN ngày 20/9/2023 có chữ ký của bên vay chị Mai Thị H và anh Nguyễn Quang T và đại diện bên cho vay ông Ngô Đức T2. Thực hiện số: 124/2023/HĐTD/TH-TN/PGB-BN ngày 20/9/2023 Ngân hàng thương mại cổ phần T3 đã giải ngân cho chị H, anh T vay số tiền 1.000.000.000 đồng

Tuy nhiên đến hạn trả nợ, chị H, anh T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T3 phát triển 114.741.415 đồng tiền gốc và 77.558.290 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2024 anh T, chị H chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên số tiền gốc còn nợ đã bị chuyển nợ quá hạn với lãi suất quá hạn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 124/2023/HĐTD/TH-TN/PGB-BN ngày 20/9/2023 anh T, chị H đã ký với Ngân hàng P.

Kể từ ngày 20/9/2023 đến ngày 20/9/2024 anh T, chị H phải trả cho Ngân hàng P số tiền lãi với lãi suất là 8,8%/ năm của số tiền gốc vay là 88.241.096

đồng. Tuy nhiên anh T, chị H mới trả cho Ngân hàng P là 77.558.290 đồng còn tiền lãi là 10.682.806 đồng. Từ ngày 21/9/2024 anh T, chị H còn nợ Ngân hàng P số tiền gốc là 885.258.585 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 12.3%/ năm của số tiền gốc 885.258.585 đồng kể từ ngày 21/9/2024 đến ngày xét xử ngày 19/9/2025 là 108.290.166 đồng, tổng số tiền lãi anh T và chị H phải trả cho Ngân hàng P là 108.972.972 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.004.231.557 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P là có căn cứ nên cần buộc anh T, chị H phải trả Ngân hàng P số tiền trên và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng số: 124/2023/HĐTD/TH-TN/PGB-BN ngày 20/9/2023 là đúng quy định của pháp luật tại Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4]. Về tài sản thế chấp: Khi vay thì giữa Ngân hàng và anh T, chị H có thỏa thuận thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai biển kiểm soát 98A-673-10. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T3 phát triển được chấp nhận nên anh T, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $[36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 204.231.557 \text{ đồng})] = 42.126.947 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T3 phát triển số tiền 20.445.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002801 ngày 28/5/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh (Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cũ).

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc anh Nguyễn Quang T và chị Mai Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T3 phát triển tổng số tiền là 1.004.231.557 đồng Trong đó tiền gốc 885.258.585 đồng và 118.972.972 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/9/2025) anh Nguyễn Quang T và chị Mai Thị H phải tiếp tục chịu lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số

124/2023/HĐTD/TH-TN/PGB-BN ngày 20/9/2023; Phụ lục hợp đồng số 124/2023/QĐTD/TH-TN/PGB-BN/PL01 ngày 20/9/2023; Khế ước nhận nợ số 01/HDD/2023/HĐTD /TH-TN/PGB- BN ngày 20/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Về án phí: anh Nguyễn Quang T và chị Mai Thị H phải chịu 42.126.947 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần T3 phát triển số tiền 20.445.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002801 ngày 28/5/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh (Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cũ).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh